TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tuấn.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Phúc;
2. Ông Hoàng Ngọc Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà **Thân Thị Trang Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B**,** sinh năm 1970; Nơi cư trú: tổ 7, ấp Tân T, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đặng Đình V, sinh năm 1968; ĐKHKTT: tổ 25B, khu phố 4, phường Trảng D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; Nơi tạm trú: tổ 7, ấp Tân T, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn tranh chấp ly hôn, ngày 26/3/2018 nội dung thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị B và anh V chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, việc chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa tuyên bố chị và anh V không phải là vợ chồng.

Về con chung: Sinh được 01 con tên Đặng Đình H, sinh ngày 01/10/1998 đã đủ 18 tuổi, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không thiếu nợ ai.

Trong quá trình làm việc anh Đặng Đình V trình bày: Anh thừa nhận chị Trần Thị B trình bày về ngày tháng chung sống, việc chung sống không có đăng ký kết hôn; con chung sinh được 01 con tên Đặng Đình H, sinh ngày 01/10/1998 đã đủ 18 tuổi là đúng, anh không trình bày gì thêm. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo

quy định pháp luật; về con chung, tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Không để xảy ra vi phạm.

+ Chị Trần Thị B là nguyên đơn; anh Đặng Đình V là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B, anh V.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị B và anh Đặng Đình V là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Đặng Đình H, sinh ngày 01/10/1998 đã đủ 18 tuổi, nên chị B, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị B, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B, anh V trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị B là nguyên đơn, anh Đặng Đình V là bị đơn trong vụ án, do chị B, anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B, anh V.

[2] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị B, anh Đặng Đình V chung sống với nhau từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1, Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Trần Thị B có yêu cầu ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Đặng Đình V là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Cháu Đặng Đình H, sinh ngày 01/10/1998 đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị B, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện, nên ghi nhận.

[6] Về nợ chung: Chị B, anh V trình bày không thiếu nợ ai.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 09, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa: Chị Trần Thị B và anh Đặng Đình V.

2. Về con chung: Cháu Đặng Đình H, sinh ngày 01/10/1998 đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trần Thị B và anh Đặng Đình V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị B, anh V trình bày không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị B đã nộp tại biên lai thu số 0025351 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Án xử công khai, báo cho chị Trần Thị B, anh Đặng Đình V biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Th;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Minh Tuấn